

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT

Ngày: 26 -4- 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Vân.

*Các thẩm phán:*

Bà Trương Thị Tuyền;

Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Hồng Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DSST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1971; vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn:* Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: số 3/64, ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*2. Bị đơn:*

*2.1.* Ông Phan Văn T, sinh năm 1974; có mặt.

*2.2.* Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1981; có mặt.

Cùng nơi cư trú: Tổ 1, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Anh Trần Vi Anh T1, sinh năm 1973: nơi cư trú: Số 07, tổ 23, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền

ngày 17/3/2022); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Đ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Lê Thị Mỹ D và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vương Sơn H trình bày:*

Bà D có cho vợ chồng ông Phan Văn T và bà Đoàn Thị Đ vay tiền qua nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 05/8/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 300.000.000 đồng.

Lần thứ 2: Ngày 30/10/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 05/11/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 30.000.000 đồng.

Lần thứ 4: Ngày 06/11/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ 5: Ngày 15/11/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 20.000.000 đồng.

Lần thứ 6: Ngày 25/12/2020, cho vợ chồng ông T, bà Đ vay số tiền 100.000.000 đồng.

Khi cho vay có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, mục đích cho vay để đáo hạn ngân hàng và đầu tư vào nông nghiệp; việc cho vay có làm giấy nợ trong đó có giấy nợ vay 300.000.000 đồng ngày 05/8/2020 do ông T, bà Đ ký tên, những giấy nợ còn lại do một mình bà Đ ký tên. Khi cho vay có hẹn khi nào đáo hạn ngân hàng, thu hoạch nông nghiệp xong sẽ trả nhưng đến nay vẫn chưa được trả gốc và lãi. Khi vay, bà D không nhận thế chấp tài sản gì của bà Đ, ông T.

Nay, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Phan Văn T và bà Đoàn Thị Đ trả số tiền vay gốc 490.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất quy định tính từ ngày vay cho đến nay, tạm tính số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

*Bị đơn, bà Đoàn Thị Đ trình bày:*

Vào ngày 05/8/2020, bà và ông Phan Văn T (chồng của bà) có vay của bà Lê Thị Mỹ D số tiền 300.000.000 đồng để cho người khác vay lại để trả đáo hạn ngân hàng, nhưng ký tên vay với bà D là do vợ chồng bà ký nhận, khi vay có thỏa thuận khi nào đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả và ngày 06/8/2020 thì trả đáo hạn và đã trả xong số tiền này, thỏa thuận tiền lãi là 15%/tháng. Khi giải ngân xong thì đã trả đủ số tiền 300.000.000 đồng, khi trả tiền thì trả tại nhà bà, khi trả tiền thì chỉ có mặt bà, ông T và bà Đ, ngoài ra không có ai khác. Nhưng khi trả số tiền 300.000.000 đồng này thì bà D không giao lại giấy ký nhận nợ cho bà.

Số tiền vay 300.000.000 đồng này vợ chồng bà đã trả xong cho bà D, không còn nợ.

Ngoài ra, bà có vay tiền của bà D qua các lần (05 lần) tổng cộng là 190.000.000 đồng, vay lãi suất thỏa thuận miệng là 15%/tháng, không phải 2%/tháng, có trả tiền lãi đến ngày 25 tháng 12 năm 2020 (AL), khi trả tiền lãi thì bà D không có ký nhận tiền, không ai chứng kiến, khi vay có làm giấy tờ do bà ký tên, ông T không có ký tên, mục đích vay tiền để cho người khác vay lại. Nay, bà đồng ý trả cho bà D số tiền vay 190.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 490.000.000 đồng và số tiền lãi là 10.000.000 đồng như bà D khởi kiện.

*Bị đơn, ông Phan Văn T trình bày:*

Ông là chồng của bà Đoàn Thị Đ, ông thừa nhận trước đây vào ngày 05/8/2020 vợ chồng ông có vay của bà D số tiền 300.000.000 đồng để cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng nhưng sau đó đến ngày 06/8/2020 thì giải ngân xong và đã trả tiền cho bà D, thỏa thuận tiền lãi là 15%/tháng không phải 2%/tháng như bà D trình bày. Khi vay số tiền 300.000.000 đồng thì vợ chồng ông có ký tên vào giấy nợ, khi trả số tiền 300.000.000 đồng tại nhà vợ chồng ông, lúc này chỉ có vợ chồng ông và bà D, ngoài ra không có ai khác chứng kiến, khi trả xong tiền ông có yêu cầu bà D trả lại giấy nợ nhưng bà D nói quên không đem theo giấy nợ và có hứa khi về đến nhà sẽ xé giấy nợ và 30 phút sau thì ông có liên lạc để hỏi bà D thì bà D nói đã xé xong giấy nợ, do tin tưởng nên ông nghĩ bà D đã xé xong giấy nợ.

Các khoản tiền vay còn lại (05 lần vay) là 190.000.000 đồng là do vợ ông vay để cho người khác vay lại, nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng với bà Đ trả cho bà D số tiền 190.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 490.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà D.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.*

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với bà Đoàn Thị Đ và ông Phan Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đoàn Thị Đ và ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền 552.042.500 (năm trăm năm mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Trong đó, tiền gốc là 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng, tiền lãi là 62.042.500 (sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, bà Đ có đơn kháng cáo cho rằng số tiền 300.000.000 đồng đã trả cho bà D xong tại nhà bà Đ, ông T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Đ; Sửa Bản án sơ thẩm số 82/2021/DS-ST ngày 28-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh về tiền lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Đ thấy rằng: Bà Đ, ông T thừa nhận có vay của bà D 06 lần có giấy nợ ghi vào các ngày 05/8/2020; ngày 30/10/2020; ngày 05/11/2020; ngày 06/11/2020; ngày 15/11/2020; ngày 25/12/2020 tổng số tiền vay là 490.000.000 đồng. Bà Đ và ông T cho rằng số tiền vay 300.000.000 đồng ngày 05/11/2020, ông bà vay về đưa cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị L cho bà Lê Kim L2 vay lại trả nợ Ngân hàng. Ngày 06/8/2020 bà Lê Kim L2 vay lại tiền trả cho bà Lê Thị L, bà Lê Thị L trả cho ông, bà nên ngày 06/8/2020 ông bà trả cho bà D tại nhà ông, bà không có ai chứng kiến, không lấy lại giấy nợ. Bà D không thừa nhận có nhận của ông T, bà Đ số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 21/3/ 2022, người đại diện bà Đ có đơn xin thu thập chứng cứ cho rằng ông T, bà Đ có vay Ngân hàng TMCP Nam Á Chi nhánh tỉnh Tây Ninh bằng Hợp đồng tín dụng ngày 09/9/2020 vay số tiền 500.000.000 đồng nhưng phiếu chuyển số tiền 500.000.000 đồng cho bà Lê Thị Mai D.

Ngày 05/4/2022, Tòa án nhận được công văn của Ngân hàng TMCP Nam Á – chi nhánh Tây Ninh phòng giao dịch Tân Châu với nội dung: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0668/2020/70-CV của bà Đ ông T, số tiền vay 500.000.000 đồng giải ngân chuyển khoản cho bên thụ hưởng là chủ tài khoản Ngô Thanh Ph tại ngân hàng BIDV mục đích thanh toán tiền thuê vườn măng cầu. Đại diện bà D thừa nhận anh Ngô Thanh Phong là con của bà D. Số tiền bà Đ, ông T vay chuyển khoản cho anh Phong là số khoản tiền khác không phải số tiền vay ngày 05/8/2020 vì ngày 05/8/2020 vay chỉ có 300.000.000 đồng, nhưng chuyển 500.000.000 đồng. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đ.

Tuy nhiên, căn cứ vào 06 (sáu) giấy vay tiền do bà D cung cấp; lời trình bày của các bên thì đây là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi và có tranh chấp về lãi. Nên căn cứ vào khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D tính lãi từ ngày vay là chưa đúng quy định trên cần tính lại. Tiền lãi được tính lại từ ngày 07/10/2021 (ngày thụ lý vụ án) đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/12/2021 là 02 tháng 21 ngày.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; tiền lãi được tính như sau:  $490.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} = 4.067.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 10.980.899 \text{ đồng}$ . Nên bà Đ và ông T có trách nhiệm trả cho bà D số tiền gốc là 490.000.000 đồng và 10.980.899 đồng tiền lãi. Tổng cộng: 500.980.899 đồng.

Do các bên khi vay có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng quyết định của cấp sơ thẩm không tuyên kê từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là thiếu sót. Cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Thị Đang. Sửa bản án sơ thẩm số 82/2021/DS-ST ngày 29-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh về phần tiền lãi.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên sửa án phí sơ thẩm. Bà Đ, ông T có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 500.980.899 đồng nên áp dụng điểm c của 1.5 danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Bà Đ, ông T phải chịu 24.039.235 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đ kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đ 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm dân sự.

[5] Các quyết định kháng của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Đ.

2. Sửa Bản án sơ thẩm số: 82/2021/DS-ST ngày 28-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ D đối với bà Đoàn Thị Đ và ông Phan Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

4. Buộc bà Đoàn Thị Đ và ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mỹ D số tiền 500.980.899 đồng (năm trăm triệu chín trăm tám mươi ngàn tám mươi chín mươi chín đồng). Trong đó, tiền gốc là 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng, tiền lãi là 10.980.899 đồng (mười triệu chín trăm tám mươi ngàn tám trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Đ, ông Phan Văn T phải chịu 24.039.235 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi chín ngàn hai ba lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà D số tiền 12.000.000 (mười hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0006758 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Án phí phúc thẩm: Bà Đoàn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007012 ngày 11-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSTỉnh Tây Ninh;
- TANDH.T;
- THA-DS T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*ĐÃ KÝ*

**Phạm Thị Hồng Vân**